|  |
| --- |
| **ĐẠI HỌC QUÔC GIA HÀ NỘI   TRƯỜNG ĐAI HỌC NGOẠI NGỮ**  **\*\*\*\*\***  **NGUYỄN THỊ HỒNG TUYẾN**  **THUẬT NGỮ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT TRONG NGÀNH**  **XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG NHÌN TỪ GÓC ĐỘ HOẠCH ĐỊNH NGÔN NGỮ**  Chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh  Mã số: 9220201.01  Cán bộ hướng dẫn: - Assoc. Prof. LÊ HÙNG TIẾN - Dr. HUỲNH ANH TUẤN **TÓM TẮT LUẬN ÁN**  HÀ NỘI – THÁNG 1 NĂM 2022 |

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG I: MỞ ĐẦU** |  |
| 1.1. Lý do nghiên cứu |  |
| 1.2. Mục đích nghiên cứu |  |
| 1.3. Câu hỏi nghiên cứu |  |
| 1.4. Phạm vị nghiên cứu |  |
| 1.5. Đóng góp của luận án |  |
| 1.6. Bố cục của luận án |  |
| **CHƯƠNG II: CƠ SỞ LÝ THUYẾT** |  |
| 2.1. Nghiên cứu thuật ngữ cho mục đích giảng dạy |  |
| 2.2. Nghiên cứu thuật ngữ ở Việt Nam |  |
| 2.3. Nghiên cứu thuật ngữ trong lĩnh vực Xây dựng công trình giao thông |  |
| 2.4. Quản lý thuật ngữ theo hướng Hoạch định ngôn ngữ |  |
| 2.4.1. Nghiên cứu thuật ngữ dựa trên lý thuyết Khái niệm |  |
| 2.4.2. Nghiên cứu thuật ngữ dựa trên lý thuyết Ngôn ngữ |  |
| 2.5. Hàm từ vựng trong lý thuyết Ý nghĩa văn bản làm cơ sở để phát triển khung phân tích thuật ngữ |  |
| 2.6. Khung lý thuyết |  |
| **CHƯƠNG III: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU** |  |
| 3.1. Bối cảnh nghiên cứu |  |
| 3.2. Thiết kế nghiên cứu |  |
| 3.3. Phương pháp nghiên cứu |  |
| *3.3.1. Nghiên cứu mối liên hệ từ vựng trong thuật ngữ Thiết kế cầu đường ô tô* |  |
| *3.3.2. Khảo sát ý kiến sinh viên khối Cầu - Đường Anh* |  |
| *3.3.3. Kiếm chứng của chuyên gia ngành XDCTGT* |  |
| 3.4. Đối tượng tham gia nghiên cứu và nguồn văn bản để triết xuất thuật ngữ |  |
| 3.5. Quy trình thu thập, mã hóa và phân tích số liệu |  |
| *3.5.1. Phân tích văn bản: Mối liên hệ từ vựng trong lĩnh vực Thiết kế cầu đường ô tô* |  |
| *3.5.2. Câu hỏi khảo sát: Ý kiến của sinh viên Cầu - Đường Anh* |  |
| 3.6. Khung phân tích mối liên hệ thuật ngữ và khảo sát ý kiến của sinh viên |  |
| **CHƯƠNG IV: MỐI LIÊN HỆ TỪ VỰNG LIÊN TƯỞNG**  **TRONG THUẬT NGỮ THIẾT KÊ CĐ Ô TÔ** |  |
| 4.1. Mối liên hệ từ vựng liên tưởng trong thuật ngữ thiết kế cầu đường ô tô và mức độ phổ biến |  |
| 4.2. Phân tích mối liên hệ từ vựng liên tưởng dựa trên ngữ nghĩa |  |
| *4.2.1. Mối liên hệ bộ phận* |  |
| *4.2.2. Mối liên hệ thay thế* |  |
| *4.2.3. Các loại hành thể điển hình* |  |
| *4.2.4. Danh từ (ngữ) biểu đạt trạng ngữ* |  |
| *4.2.5. Danh hóa động từ* |  |
| *4.2.6. Tính chất /thuộc tính* |  |
| *4.2.7.Mối liên hệ liên tưởng* |  |
| *4.2.8. Hoạt động* |  |
| **CHƯƠNG V: MỐI LIÊN HỆ NGỮ ĐOẠN (HỆ HÌNH)**  **TRONG THUẬT NGỮ THIẾT KẾ CẦU ĐƯỜNG Ô TÔ** |  |
| 5.1. Mối liên hệ ngữ đoạn trong thuật ngữ Thiết kế cầu đường ô tô. |  |
| 5.2. Phân tích mối liên hệ ngữ đoạn dựa trên ngữ nghĩa |  |
| *5.2.1. Liên kết cụm danh từ* |  |
| *5.2.2. Liên kết cụm động từ* |  |
| *5.2.3. Liên kết cụm giới từ* |  |
| **CHƯƠNG VI: Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN CẦU - ĐƯỜNG ANH VỀ NGUỒN THUẬT NGỮ THEO HƯỚNG CUNG CẤP KIẾN THỨC DỰA TRÊN MỐI LIÊN HỆ TỪ VỰNG** |  |
| 6.1. Nhu cầu của sinh viên Cầu - Đường Anh đối với nguồn thuật ngữ cho từng môn học để học kiến thức chuyên môn và tiếng Anh. |  |
| 6.2. Mức độ hài lòng của sinh viên đối với nguồn thuật ngữ hiện tại để học tiếng Anh và kiến thức chuyên môn của từng môn học. |  |
| 6.3. Các mối liên hệ từ vựng cần được đưa vào nguồn thuật ngữ nhằm cung cấp kiến thức môn học và tiếng Anh. |  |
| *6.3.1. Mối liên hệ liên tưởng* |  |
| *6.3.2. Mối liên hệ ngữ đoạn (hệ hình)* |  |
| **CHƯƠNG VII: TRÌNH BÀY NGUỒN THUẬT NGỮ XDCTGT**  **DỰA TRÊN MỐI LIÊN HỆ TỪ VỰNG VÀ Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN** |  |
| 7.1. Các nội dung cần đưa vào nguồn thuật ngữ |  |
| *7.1.1. Nguồn thuật ngữ theo hướng cung cấp kiến thức chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ* |  |
| *7.1.2. Nguồn thuật ngữ theo hướng khung ngữ nghĩa* |  |
| *7.1.3. Các yếu tố khái niệm của thuật ngữ* |  |
| *7.1.4. Các yếu tố ngôn ngữ của thuật ngữ* |  |
| *7.1.5. Mối liên hệ từ vựng* |  |
| *7.1.6. Định nghĩa thuật ngữ chứa mối liên hệ từ vựng* |  |
| *7.1.7. Thuật ngữ tiếng Việt tương đương* |  |
| 7.2. Cách trình bày thuật ngữ |  |
| *7.2.1. Theo trình tự bảng chữ cái truyền thống* |  |
| *7.2.2. Trình bày mối liên hệ “thuộc loại” theo tầng bậc* |  |
| *7.2.3. Ảnh minh họa mối liên hệ “là bộ phận của”* |  |
| *7.2.4. Bảng biểu cho mối liên hệ “là vật liệu của” và “hành thể- bị thể”* |  |
| *7.2.5. Biểu đồ chứa mối liên hệ từ vựng* |  |
| *7.2.6. Biểu đồ tư duy thể hiên mối liên hệ “thuộc loại”* |  |
| *7.2.7. Mối liên hệ từ vựng đa chiều* |  |
| *7.2.8. Mối liên hệ nằm trong ngữ cảnh* |  |
| *7.2.9. Khung ngữ nghĩa của sự tình và tiểu sự tình (events)* |  |
| *7.2.10. Mối liên hệ “vị trí của” lối nói bị động* |  |
| *7. 2.11. “Tags”thể hiện sự kết hợp từ* |  |
| **CHƯƠNG VIII: KẾT LUẬN** |  |
| 8.1. Những điểm chính của luận án |  |
| *8.1.1. Nghiên cứu quản lý thuật ngữ theo hướng hoạch định ngôn ngữ* |  |
| *8..1.2. Kết nối nghiên cứu ngôn ngữ và nghiên cứu thuật ngữ bằng cách sử dụng hàm từ vựng để phân tích hệ thống thuật ngữ Thiết kế cầu đường ô tô.* |  |
| 8.2. Ý nghĩa của đề tài |  |
| *8.2.1. Ý nghĩa về phương pháp luận* |  |
| *8.2.2. Ý nghĩa về lý thuyết* |  |
| *8.2.3. Ý nghĩa thực tiễn* |  |
| 8. 3. Những hạn chế và đề xuất nghiên cứu tiếp theo |  |

**CHƯƠNG 1: MỞ ĐẤU**

* 1. **Lý do nghiên cứu**

Dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Xây dựng công trình giao thông là cần thiết và đang được triển khai để đào tạo nguồn nhân lực có thể giao tiếp bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Hỗ trợ thuật ngữ cho sinh viên XDCTGT học chuyên ngành bằng tiếng Anh đóng vai trò rất quan trọng giúp sinh viên không những lĩnh hội kiến thức chuyên ngành bằng tiếng Anh mà còn ngôn ngữ Anh. Tuy nhiên, hầu hết các nguồn thuật ngữ hiện tại do các chuyên gia biên soạn là sản phầm của cách quản lý thuật ngữ từ trên xuống (top-down) dựa vào trực giác và suy luận chủ quan. Phương pháp tiếp cận này độc lập với các lý thuyết ngôn ngữ. Thuật ngữ được xem như các đơn vị độc lập và thường được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái, không bao gồm các mối liên hệ khái niệm và từ vựng. Luận án nghiên cứu thuật ngữ theo hướng hoạch định ngôn ngữ sẽ mang lại sản phẩm thuật ngữ không chỉ được sắp xếp theo trật tự bảng chữ cái mà còn bao gồn các mối liên hệ từ vựng phản ánh bản thể của môn học, giúp cung cấp kiến thức chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ để hỗ trợ cho sinh viên học chuyên ngàng bằng tiếng Anh. Nghiên cứu này theo hướng thuật ngữ học xã hội-tri nhận phản ảnh bản thể môn học với mối liên hệ đa chiều, với quan điểm là bất kỳ nguồn thuật ngữ nào cũng hướng tới đối tượng sử dụng và mục đích sử dụng nhất định. Đề tài tiếp cận thuật ngữ theo hướng từ dưới lên (bottom-up), nghiên cứu mối liên hệ từ vựng trong thuật ngữ Thiết kế cầu đường Ô-tô, khảo sát ý kiến sinh viên và tham vấn chuyên gia trong suốt quá trình nghiên cứu. Theo hướng tiếp cận ngữ nghĩa học từ vựng này thì nghiên cứu thuật ngữ và nghiên cứu ngôn ngữ hòa quyện vào nhau. Khung phân tích thuật ngữ được thiết lập dựa trên Hàm từ vựng trong lý thuyết Ý nghĩa văn bản được phát triển bởi Mel’cook (1996) bao gồm mối liên hệ liên tưởng và mội liên hệ ngữ đoạn (hệ hình), do đó thuật ngữ được phân tích trên hai phương diện là khái niệm và ngôn ngữ. Hàm từ vựng ưu việt ở chỗ chúng không những bao gồm mối liên hệ liên tưởng: khái niệm, vai ngữ nghĩa, và khung ngữ nghĩa. Những mối liên hệ nỳ có thể giải quyết hiệu quả và đầy đủ các mối liên hệ thuật ngữ một cách hệ thống và đa chiều. Mặt khác, mối liên hệ ngữ đoạn phản ảnh khả năng liên kết của cụm danh từ, động từ, tính từ. Vấn đề phổ quát toàn cầu và quy định của từng ngôn ngữ cụ thể thể hiện trong mối liên hệ theo trục dọc và trục ngang đều được xem xét. Chính vì vậy, hướng tiếp cận này phù hợp cho nghiên cứu thuật ngữ trong môi trường song ngữ và đa ngữ bao hàm cả kiến thức chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ.

**1.2. Mục đích nghiên cứu**

Mục đích tổng thể của đề tài là nghiên cứu cách tiếp cận thuật ngữ Xây dựng công trình giao thông (XDCTGT) theo hướng hoạch định ngôn ngữ dựa trên mối liên hệ từ vựng nhằm tối ưu hóa tính hữu ích của nguồn thuật ngữ cho từng môn học, giúp sinh viên lĩnh hội cả kiến thực chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ.

**1.3. Câu hỏi nghiên cứu**

Câu hỏi nghiên cứu chính: *Có thể hoạch định nguồn thuật ngữ Anh- Việt ngành KTXDCTGT theo cách nào để thể hiện được kiến thức chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ nhằm tối ưu hóa hữu dụng của nguồn thuật ngữ, giúp sinh viên học chuyên ngành bằng tiếng Anh tiếp thu kiến thức chuyên ngành và kiến thức ngôn ngữ?*

Câu hỏi nghiên cứu chính được viết thành 3 câu hỏi nhỏ sau:

1. *Có những mối liên hệ từ vựng nào trong thuật ngữ Thiết kế cầu đường ô tô và mối liên hệ đa chiều của các thuật ngữ được thể hiện như thế nào?*
2. *Sinh viên học chuyên ngành bằng tiếng Anh có những ý kiến, nhận xét gì về nguồn thuật ngữ theo hướng tiếp cận hoạch định ngôn ngữ (cung cấp kiến thức)?*
3. *Có thể trình bày nguồn thuật ngữ theo hướng tiếp cận kiến thức như thế nào dựa trên mối liên hệ từ vựng và ý kiến của sinh viên để giúp sinh viên lĩnh hội cả kiến thức chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ?*

**1.4. Phạm vi nghiên cứu**

- Đề tài nghiên cứu thuật ngữ XDCTGT theo hướng hoạch định ngôn ngữ dựa trên mối liên hệ từ vựng, tiếp cận thuật ngữ theo hướng từ dưới lên bằng cách nghiên cứu mối liên hệ thuật ngữ Thiết kế cầu đường ô tô triết xuất từ văn bản và khảo sát ý kiến sinh viên Cầu-Đường Anh. Sự đối chứng giữa người nghiên cứu có chuyên môn là ngôn ngữ Anh với các chuyên gia ngành KTXDCTGT là một điểm nổi bật trong đề tài này.

- Đề tài xác định, triết xuất, phân tích mối liên hệ từ vựng của thuật ngữ trong cuốn sách Thiết kế Cầu đường ô tô (Richard & Jay, 2007), dùng cho môn học chính trong ngành KTXDCTGT. Quá trình nghiên cứu có tham vấn và đối chứng của các chuyên gia ngành KTXDCTGT.

- Đề tài đồng thời khảo sát ý kiến của sinh viên đối với nguồn thuật ngữ hiện tại so với nguồn thuật ngữ theo hướng cung cấp kiến thức nhằm tìm hiểu mức độ hài lòng của sinh viên về nguồn thuật ngữ hiện có để học kiến tức chuyên môn và ngôn ngữ.

- Trong suốt quá trình nghiên cứu từ bước triết xuất thuật ngữ, xác định và phân tích mối liên hệ, dịch thuật ngữ sang tiếng Việt và kiểm chứng kết quả đều có tham vấn và đối chứng của các chuyên gia. Trong đề tài này, chỉ mối liên hệ từ vựng trong thuật ngữ tiếng Anh được nghiên cứu kèm theo dịch tiếng Việt tương đương.

**1.5. Đóng góp của nghiên cứu**

**Đóng góp về mặt lý thuyết**

### Hầu hết các công trình nghiên cứu thuật ngữ trong nước và ở nước ngoài xem xét thuật ngữ như những đơn vị rời rạc hoặc chỉ đề cấp đến mối liên hệ tầng bậc “thuộc loại” và “là bộ phận” nhưng đề tài này xem xét thuật ngữ trong mối liên hệ đa chiều, vì vậy đóng góp đáng kể cho lý thuyết Thuật ngữ học theo hướng Ngữ nghĩa học từ vựng. Đề tài đóng góp cho phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, nêu rõ mối liên kết chặt chẽ giữa yếu tố thuật ngữ và yếu tố ngôn ngữ trong hệ thống thuật ngữ, do đó vài trò của giáo viên dạy ngôn ngữ trong nghiên cứu thuật ngữ và đào tạo các môn học chuyên môn bằng tiếng Anh được khẳng định: Họ không những dạy kiến thức ngôn ngữ mà còn góp phần dạy kiến thức chuyên ngành cho sinh viên; nguồn thuật ngữ có thể được hoạch định (quản lý) để trở thành một công cụ, phương pháp giảng dạy hiệu quả. Trên phương diện hoạch định (quản lý thuật ngữ), đề tài khảo cứu và giới thiệu một phương pháp quản lý thuât ngữ XDCTGT khác biệt so với cách tiếp cận thông thường cho kết quả là nguồn thuật ngữ phản ảnh bản thể của môn học, cung cấp kiến thức chuyên môn và kiến thức ngôn ngữ.

**Đóng góp về phương pháp luận**

Phương pháp nghiên cứu của đề tài cũng có nhiều khác biệt so với các nghiên cứu thuật ngữ trước đây: Mối liên hệ thuật ngữ được nghiên cứu trong ngữ cảnh sử dụng cụ thể trong khi phần lớn các công trình trước nghiên cứu thuật ngữ trong từ điển. Thuật ngữ được ngiên cứu trong mối liên hệ với nhau chứ không được coi là các đơn vị riêng lẻ. Tất cả các thuật ngữ được xem xét một cách hệ thống theo hướng tiếp cận từ dưới lên. Xét theo khía cạnh khái niệm thì tương đương giữa hai ngôn ngữ được giải quyết triệt để và những thiếu sót hoặc chưa đồng nhất về mặt khái niệm của các thuật ngữ tương đương cũng lộ rõ và được giải quyết. Việc tiếp cận hoạch định thuật ngữ từ dưới lên cũng được thể hiện qua quá trình khảo sát ý kiến sinh viên là người sử dụng. Ý nghĩa về phương pháp luận còn là sự bắt tay giữa các chuyên gia XDCTGT và người nghiên cứu có chuyên môn là Ngôn ngữ Anh. Nghiên cứu thuật ngữ rất khó có thể thành công đơn thuần từ phía ngôn ngữ học hoặc từ phía chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. Để đạt được kết quả tốt nhất cần có sự phối hợp từ cả hai phía. Tính mới trong phương pháp còn thể hiện ở khung phân tích dựa trên hàm từ vựng và mối liên hệ thuật ngữ được phát triển bởi các học giải trên thế giới với sự thêm, bớt, điều chỉnh cho phù hợp với mục đích của đề tài và nguồn dữ liệu. Trên thực tế, chưa có công trình nào áp dụng hàm từ vựng tới mức rộng rãi và triệt để như đề tài này. Hàm từ vựng trong lý thuyết ý nghĩa văn bản có rất nhiều ưu việt để phân tích, mô tả và trình bày thuật ngữ.

### Tính ứng dụng của đề tài

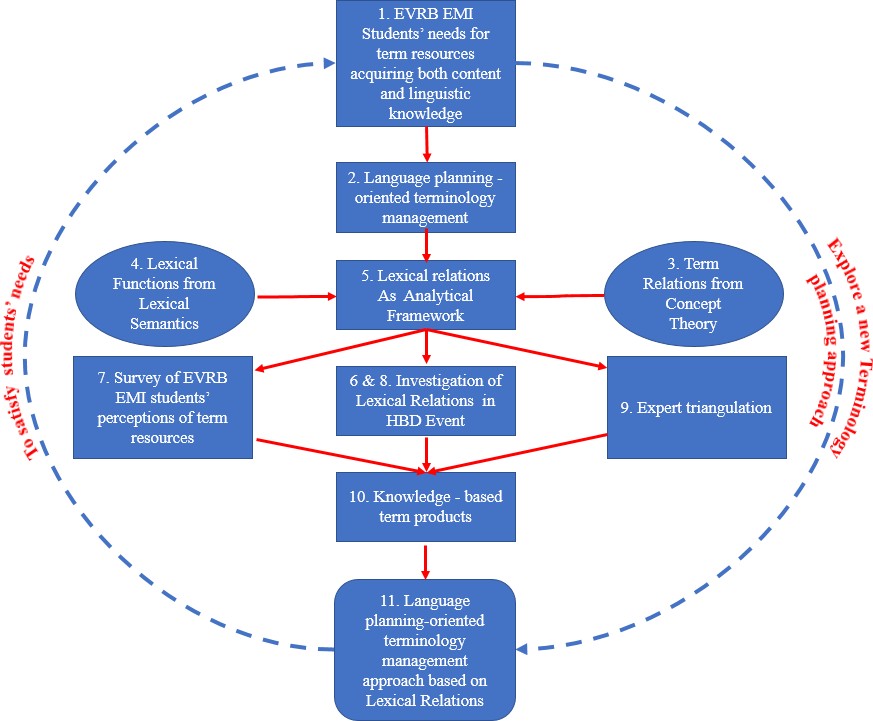
Trước hết, nhu cầu của sinh viên đối với nguồn thuật ngữ theo hướng cung cấp kiến thức được xác định để hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên trong quá trình học tập. Không chỉ sinh viên Việt nam mà sinh viên trên thể giới học chuyên ngành bằng tiếng Anh khi tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ có thể hưởng lợi từ kết quả của nghiên cứu. Kết quả có thể được các trường đại học đào tạo ngành XDCTGT sử dụng để điều chỉnh các chiến lược ngôn ngữ, đặc biệt là cung cấp thuật ngữ để dạy chuyên ngành bằng tiêng Anh và triển khai các dự án nghiên cứu theo hướng mới để hỗ trợ cho sinh viên. Nguồn thuật ngữ là sản phẩm của cách tiếp cận này sẽ là tài liệu tra cứu và tham khảo cho những đối tượng sử dụng khác như phiên dịch, biên dịch, giảng viên dạy tiếng Anh chuyên ngành. Với công nghệ máy tính hiện đại, hệ thống thuật ngữ sẽ được trình bày trong môi trường máy tính phản ánh mối liên hệ đa chiều dưới dạng sơ đồ, hình vẽ, biểu đồ tư duy, và các đuôi liên kết (tags) cung cấp thông tin đa dạng, đầy đủ, hệ thống cho người sử dụng. Kết quả nghiên cúu cũng đặt nền móng trong việc áp dụng trí tuệ nhân tạo để quản lý thuật ngữ trong ngành KTXDCTGT. Dữ liệu thuật ngữ của đề tài có thể được sử dụng để biên soạn cẩm nang thuật ngữ theo hướng cung cấp kiến thức.

**1.6. Cấu trúc của luận án**

Luận án bao gồm 8 chương như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chapter I:** Mở đầu  **Chapter II:** Cơ sở lý thuyết  **Chapter III:** Phương pháp nghiên cứu  **Chapter IV:** Mối liên hệ thuật ngữ liên tưởng trong lĩnh vực Thiết kế cầu đường ô tô | **Chapter IV:** Mối liên hệ ngữ đoạn (hệ hình ) trong lĩnh vực Thiết kế cầu đường ô tô  **Chapter VI:** Ý kiến của sinh viên đối với nguồn thuật ngữ theo hướng cung cấp kiến thức  **Chapter VII:** Trình bày nguồn thuật ngữ dựa trên mối liên hệ từ vựng và ý kiến của sinh viên  **Chapter VIII:** Kết luận |

Cấu trúc của luận án được thể hiện trong hình vẽ 1.1:



**EFERENCES**

[1]. Alberts, M. (1999). “Terminology in South Africa”. *Lexikos*. Series 9: 18-35.

[2]. Antia, B. E. & Kamai, R. (2006). “African issues in terminology: an educational perspective’’. In Heribert Picht (ed.) *Modern Approaches to Terminological Theories and Applications*, 135-152. Bern [etc.]: Peter Lang.

[3]. Antia, B. E. (2000). *Terminology and Language Planning: an Alternative Framework of Practice and Discourse*. Amsterdam: John Benjamins.

[4]. Antia, B. E. & Dyers, C. (2016). Epistemological access through lecture materials in multiple modes and language varieties: the role of ideologies and multilingual literacy practices in student evaluations of such materials at a South African University. *Language Policy*, *15*, 525–545. <https://doi.org/10.1007/s10993-015-9389-4>

[5]. Faber, P. & Sanchez M. T. (2001). Codifying Conceptual Information in Descriptive Terminology Management. Meta: *Translators’ Journal* 46 (1): 192-204.

[6]. Faber, P. & Usón, R.M. (1999). *Constructing a Lexicon of English Verbs*. New York: Mouton de Gruyter

[7]. Faber, P. (2010). The dynamics of specialized knowledge representation: simulational reconstruction or the perception action interface. Paper presented at the Third Terminology Seminar in Brussels: The Dynamics of Terms in Specialized Communication (23 April 2010).

[8]. Faber, P. (2012). *A cognitive Linguistics view of Terminology and Specialized Language*. A research project funded by the Spanish Ministry of Science and Technology. Berlin: De Gruyter

[9]. Fishman, J.A. (1983). Modeling rationales in corpus planning: Modernity and Tradition in Images of the Good Corpus. In *Progress in Language Planning*, J. Cobarrubias, J. & Fishman, J.A. (eds), 107–118. Berlin: Mouton.

[10]. Hương, N. T., Walkinshaw, I., & Hoa, H. P. (2017). EMI-progra. In B. S. et al Fenton (Ed.), *English medium Instruction in Higher Education in Asia Pacific, Multilingual Education 21* (pp. 37–52). Springer International Publishing AG. <https://doi.org/10.1007/978-3-319-51976-0_3>

[11]. Jernudd, B.H. (1983). Evaluation of Language Planning - What Has the Last Decade Accomplished? In *Progress in Language Planning*, Cobarrubias, J. & Fishman, J.A. (eds), 345–378. Berlin: Mouton.

[12]. L’Homme, & Pimentel, J. (2012). “Capturing syntactico-semantic regularities among terms: An application of the FrameNet methodology to terminology”. In *Language Resources and Evaluation, LREC*. Istanbul, 2012.

[13]. L’Homme, M. C. (2019). *Lexical semantics for terminology - An introduction*. Amsterdam: John Benjamins.

[14]. Maurais, J. (1993). Terminology and language planning. In Helmi, B. S. & Kurt, L. L. (eds.) *Terminology: Applications in Interdisciplinary Communication*, 111-125. Amsterdam: John Benjamins.

[15]. Mek’cuk, I. A. (1998). Collocations and Lexical Functions, in Cowie, A.P. (ed.), *Phraseology. Theory, Analysis, and Applications.*  Oxford: Clarendon Press, 23-53.

[16]. Mek’cuk, I. A. & Žholkovskij, A. K. (1970). Towards a functioning Meaning-Text Model of language. *Linguistics* 57: 10-47.

[17]. Mek’cuk, I. A. (1981). Meaning-Text Models: A recent trend in Soviet Linguistics. *Annual review of Anthropology* 10, 27-62.

[18]. Mek’cuk, I. A. (1988). Semantic description or lexical units in an explanatory combinatorial dictionary: basic principles and heuristic criteria. *International journal of lexicography* 1 (3): 165-188.

[19]. Mek’cuk, I. A. (1989). Semantic primitives from the viewpoint of the meaning Text linguistics theory. *Quaderni di Semantica* 19 (1): 65-102.

[20]. Mel’čuk, I. A. (1996). Lexical Functions: A Tool for the Description of Lexical Relations in a Lexicon. In (Wanner, 1996): 37-102.

[21]. Mel’čuk, I. A. & A. K. Zholkovsky. (1984). Explanatory Combinatorial Dictionary of Modern Russian. Wiener Slawistischer Almanach, Vienna.

[22]. Mel’čuk, I. A. and L. Wanner. (2001). Toward a lexicographic Approach to Lexical Transfer in Machine Translation (Illustrated by the German-Russian language Pair). *To appear in Machine Translation.*

[23]. Mel'čuk, I. A., & A. Zholkovsky (1988). The explanatory combinatory dictionary. In Evens, M.W. (ed.), *Relational Models of the Lexicon: Representing Knowledge in Semantic Networks,* pages 41 – 74. Cambridge University Press.

[24]. Richard, M. B. & Jay, A. P. (2006). *Design of Highway bridges: An LRFD Approach, Second Edition.* New jersey: John Wiley & Sons, Inc.

[25]. Raomos. A., R. Tutin, A., & Lapalme, G. (1995). Lexical functions in the explanatory combinatorial dictionary for lexicalization in text generation. In: P. Saint-Dizier-E.Viegas (eds.), 351-366.

[26]. Temmerman, R. (2000). *Towards New Ways of Terminology Description. The sociocognitive approach.* Amsterdam/Philadelphia: John Benjamins.

[27]. Nguyễn Thị Hồng Tuyến (2019). “Codifying bridge Engineering Terminology Based on Lexical functions in meaning text Theory”, in *Graduate Research Symposium Proceedings in Linguistics, Foreign language Education and Interdisciplinary Fields*. Hanoi: ULIS

[28]. Wanner, L. (ed.). (1996). *Lexical Functions in Lexicography and Natural Language Processing*. Benjamins, Amsterdam/Philadelphia.

[29]. Wüster, E. (1979b). *La théorie générale de la terminologie* (I). (Lurquin, G. Trans.). *Le Langage et l'Homme*, 14(2), 59-71. (Original work published 1974).